TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019 /HS-ST
Ngày 09 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bạch Đình Ca.

Bà Phạm Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST- HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phi H1 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 10 tháng 8 năm 1986, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ngày 22/5/2018 Nguyễn Phi H1 đã làm thủ tục chuyển khẩu đến xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nhưng chưa nhập khẩu ở nơi đến và cũng chưa chuyển về nhập lại nơi ở cũ). Nơi ở: Không ổn định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Làm nông.Trình độ học vấn: 3/12. Giới tính: Nam. Con ông Nguyễn Như B (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960, hiện nay đang cư trú tại Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có vợ tên là Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 1983 và có 01 con sinh năm 2008, vợ và con hiện nay đang cư trú tại thôn L, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2003 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo bản án hình sự sơ thẩm số 61/HSST ngày 24/12/2003. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2019 cho đến nay vẫn đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K (Có mặt).

2. Y H Êban (tên gọi khác: Y Th; sinh năm 1978, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không có. Nơi ở: Không ổn định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Ê đê. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không ổn định. Trình độ học vấn: 0/12; Giới tính: Nam. Con ông Y B Adrơng và bà H V Êban (đều đã chết). Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2019 cho đến nay vẫn đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K (Có mặt).

- *Những người bị hại:*

+ Ông Dương Tuấn A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị H Ng Bdap, sinh năm 1998; Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 4 năm 2018 Nguyễn Phi H1 và Nguyễn Xuân H2 đã cùng nhau thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 14/4/2018, Nguyễn Phi H1 và Nguyễn Xuân H2 điều khiển xe mô tô, loại Dream của H1 đến nhà bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1973, ở thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, lấy trộm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, biển số F, loại 49cm^3, màu sơn xanh (xe này bà A mua của ông Trần Quang H) và 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HK Bike, màu sơn trắng. Sau đó, H2 điều khiển chiếc xe máy vừa trộm cắp được, còn H1 điều khiển xe mô tô loại Dream chở chiếc xe đạp điện vừa trộm cắp được về cất giấu tại phía sau vườn nhà bà H L Bdap sinh năm 1973 (mẹ của H Ng Bdap, sinh năm 1998) trú tại buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đến sáng ngày 15/4/2018, H1 nói với H Ng là hôm qua H1 có mua được 01 chiếc xe máy biển số F và một chiếc xe đạp điện HK Bike, đồng thời rủ H Ng đi bán, H Ng đồng ý cùng H1 mang xe mô tô đến bán cho bà H G Bdap, sinh năm 1975, trú tại buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng), nhưng do H Ng còn nợ bà H G 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) nên bà H G chỉ đưa cho H Ng số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) và H Ng đưa số tiền này cho H1 giữ. Sau đó, H1 và H Ng tiếp tục bán xe đạp điện HK Bike cho ông Lưu Thanh S, sinh năm 1982, cùng trú tại Buôn E, xã B, huyện K được số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng). Sau khi mua xe đạp điện trên, ông S đã bán lại cho ông Đoàn Đỗ Thanh T, sinh năm 1992, trú tại thôn P, xã H, huyện K, với giá là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Đối với số tiền có được từ việc bán những tài sản

trên, H1 chia cho H2 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng), H2 cho lại H Ng 100.000 đồng, sau đó cả H1 và H2 đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 02: Khoảng 22 giờ 00 phút (không xác định được ngày) trong tháng 4/2018, H1 rủ H2 đi đến nhà anh Dương Tuấn A, sinh năm 1988, trú tại thôn 8, xã E, huyện K, lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nomuza, biển số L, màu sơn đỏ đen (xe này ông A mua của ông Phan Thanh Ch), sau đó cả hai điều khiển xe mô tô trên về nhà mẹ H Ng để cất giấu. Sáng hôm sau, H2 và H1 bán xe mô tô vừa trộm cắp được cho Y H Êban được 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng). H2 chia cho H1 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Khi mua xe mô tô, Y H hỏi: *"xe này trộm được ở đâu?"* thì H2 trả lời: *"xe trộm cắp được ở chợ T"*, biết rõ xe này là tài sản do H2 và H1 trộm cắp được mà có nhưng Y H vẫn mua. Sau khi mua xe mô tô trên, Y H bán lại cho ông Y S Ayun, sinh năm 1978, trú tại Buôn H, xã D, huyện K với giá là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng). Số tiền có được từ việc bán tài sản trộm cắp, cả H1 và H2 đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 14/6/2018, số 48/KL-HĐĐG ngày 24/7/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, đã kết luận:

+ Tại thời điểm ngày 14/4/2018, 01 chiếc xe máy biển số F, nhãn hiệu Honda, loại 49 cm^3, màu sơn xanh có trị giá là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HK Bike, màu sơn trắng có trị giá là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

+ Tại thời điểm tháng 4/2018, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nomuza, biển số L, màu sơn đỏ-đen có trị giá là 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm ngàn đồng.

Ngày 08/5/2019 chị H Ng Bdap đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 300.000 đồng mà chị H Ng được bị cáo H1 và H2 cho sau khi bán được tài sản trộm cắp.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án và trách nhiệm hình sự của Nguyễn Xuân H2 đã được xử lý tại bản án số 31/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Drem mà H1 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, sau đó H1 đã bán cho người khác, Cơ quan điều tra không thu giữ được và cũng không xác định đặc điểm, biển kiểm soát nên Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá đối với xe mô tô làm căn cứ xử lý.

Cáo trạng số: 12/CT-VKS-HS ngày 12/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Phi H1 về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Y H Êban về tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Phi H1 và bị cáo Y H Êban khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã mô tả và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin là đúng người, đúng tội, không

oan sai. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị áp dụng Điều 107 Bộ luật Hình sự để không áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm đối với bị cáo Nguyễn Phi H1. Đồng thời, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi H1 phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*, bị cáo Y H Êban phạm tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H1 mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29/3/2019).

- Áp dụng khoản1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Y H Êban mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22/4/2019).

- Về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án và trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Xuân H2 đã được xử lý tại bản án số 31/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 nên không đề cập giải quyết. Hơn nữa, hiện nay người bị hại cũng không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm nên không xem xét. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Drem mà H1 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, sau đó H1 đã bán cho người khác, Cơ quan điều tra không thu giữ được và cũng không xác định đặc điểm, biển kiểm soát nên Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá đối với xe mô tô nên không có căn cứ xử lý.

- Truy thu các số tiền mà bị cáo Nguyễn Phi H1 và Y H Êban đã chiếm đoạt từ việc bán các tài sản do trộm cắp mà có để nộp ngân sách nhà nước. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền 300.000 đồng do chị H Ng Bdap giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Kuin, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Phi H1 và Y H Êban khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, loại tài sản mà bị cáo H1 đã trộm cắp được, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ cơ sở để kết luận, trong khoảng thời gian vào tháng 4 năm 2018, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại trong việc bảo quản tài sản, bị cáo Nguyễn Phi H1 cùng với Nguyễn Xuân H2 đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe máy và 01 chiếc xe đạp điện của bà Nguyễn Thị Kim A, 01 chiếc xe máy của ông Dương Tuấn A có tổng giá trị là 11.500.000 đồng. Bị cáo Y H Êban mặc dù không hứa hẹn trước và biết rõ chiếc xe máy biển kiểm soát L do bị cáo H1 và Nguyễn Xuân H2 trộm cắp được mà có nhưng vẫn mua và bán lại cho ông Y S Ayun, thu lợi bất chính số tiền 300.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Phi H1 phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Y H Êban phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[2.1] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

[2.2] Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: *"Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản mà biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phi H1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một trong những quyền cơ bản được pháp luật hình sự Nhà nước ta bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo Y H Êban đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an toàn công cộng và phần nào làm cho việc xử lý hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Nguyễn Phi H1 và Nguyễn Xuân H2 trở nên khó khăn hơn. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thu tài sản do phạm pháp mà có là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử phạt nhưng vẫn thực hiện nên cần phải có mức hình phạt thích đáng, cánh ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân lương thiện, đồng thời cũng để phòng ngừa tội phạm đối những người khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Phi H1 thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản và mỗi vụ đều có giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng trở lên nên bị áp dụng các tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, năm 2003 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 61/HSST ngày 24/12/2003, bị cáo mới chỉ chấp hành xong hình phạt chính và chưa chấp hành

xong phần bồi thường dân sự cho người bị hại, nhưng lần phạm tội này bị cáo bị kết án về tội ít nghiêm trọng và đang ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên áp dụng các quy định có lợi tại khoản 3 Điều 7 và Điều 107 Bộ luật Hình sự, xác định bị cáo không có án tích và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà được xem là người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo Y H Êban không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo H1 và Y H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H1 phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo Y H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế; người bị hại là bà Nguyễn Thị Kim A có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1 nên áp dụng cho bị cáo H1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Y H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án và trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Xuân H2 đã được xử lý tại bản án số 31/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin nên không đề cập giải quyết. Mặt khác, hiện nay những người bị hại cũng không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm nên không xem xét. Riêng đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream mà bị cáo H1 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, sau đó H1 đã bán cho người khác, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 300.000 đồng do chị H Ng Bdap giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin có liên quan trực tiếp đến tội phạm nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Truy thu của bị cáo Y H Êban số tiền 300.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán xe mô tô biển kiểm soát 47L9 – 9683 cho ông Y S Ayun để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phi H1 và bị cáo Y H Êban phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phi H1 phạm tội: "Trộm cắp tài sản", bị cáo Y H Êban phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29/3/2019).

- Áp dụng khoản1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Y H Êban 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22/4/2019).

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do chị H Ng Bdap giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2019. Truy thu của bị cáo Y H Êban số tiền 300.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Phi H1 và bị cáo Y H Êban, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo đối với phần quyết định của bản án có liên quan quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CQCSĐT Công an huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện K;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNVCA tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã H;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÊ QUỐC ĐỊNH